

TIÊU CHUẨN NGÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM BỘ Y TẾ	TIÊU CHUẨN SỨC KHOẺ - PHÂN LOẠI ĐỂ KHÁM TUYỂN, KHÁM ĐỊNH KỲ	Quyết định Số: 1613/BYT-QĐ
		<i>Có hiệu lực từ 15/08/1997</i>

I - QUY ĐỊNH CHUNG:

1. Tiêu chuẩn này áp dụng cho việc phân loại sức khỏe để khám tuyển, khám định kỳ, khám đổi nghề vì sức khỏe của các công dân Việt Nam vào học ở các trường Đại học, Trung học Chuyên nghiệp trường Dạy nghề và vào làm việc ở các tổ chức sản xuất kinh doanh của nhà nước, của tư nhân, các tổ chức liên kết liên doanh với nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đối với các nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì tiêu chuẩn này là tiêu chuẩn sơ tuyển. Việc khám tuyển chính thức sẽ dựa vào tiêu chuẩn khám tuyển của từng nghề, công việc đó.

3. Công dân Việt Nam từ 15 tuổi trở lên không bị các bệnh cấp tính là đối tượng của tiêu chuẩn này.

4. Tiêu chuẩn quy định có 5 loại sức khỏe:

-Loại I : Rất khỏe

-Loại II : Khỏe

-Loại III : Trung bình

-Loại IV : Yếu

-Loại V : Rất yếu

II- TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI SỨC KHOẺ

1. Bệnh tật:

HỆ VẬN ĐỘNG					
Khớp xương:					
66.1- Bình thường	x				
66.2- Sai các khớp:					
- Đã nắn chỉnh không để lại di chứng		x			
- Sai khớp lớn, không nắn chỉnh, thành cố tật có ảnh hưởng tới lao động học tập				x	
- Sai khớp lớn đã được phẫu thuật:					
+ Ổn định sau 1 năm, lao động sinh hoạt bình thường			x		
+ Để lại di chứng: Hạn chế vận động, thoái hoá biến dạng hoặc cứng khớp					x
+ Sai khớp bệnh lý các khớp lớn					x
66.3- Khớp giả:					
- Kèm theo mất đoạn xương lớn, chi ngắn trên 5 cm					x
- Không ngắn chi				x	
66.4- Cứng, dính các khớp:					
- Các khớp vai, khuỷu, gối, háng, cột sống					x
- Các khớp cổ tay, cổ chân				x	
66.5- Dị dạng bẩm sinh (Khớp lớn, mất đoạn đầu xương)					x

Xương:					
67.1- Không bị gãy xương	x				
67.2- Gãy xương lớn:					
- Đã liền tốt, trục thẳng, ổn định sau 1 năm, không hạn chế vận động			x		
- Đã liền xương, can xấu, lệch trục, có ảnh hưởng đến vận động, có thoái hoá biến chứng				x	
67.3- Gãy xương sườn:					
- Gãy 1 xương sườn can tốt		x			
- Gãy 2-3 xương sườn can tốt			x		
- Gãy trên 3 xương sườn can tốt				x	
67.4- Gù vẹo, quá ưỡn:					
- Do bẩm sinh			x		
- Do mắc phải				x	
67.5- Cứng dính cột sống do các nguyên nhân có ảnh hưởng tới lao động, vận động:					
- Nhẹ			x		
- Vừa				x	
- Nặng					x
Chiều dài các chi:					
68.1- Không có chênh lệch chiều dài các chi	x				
68.2- Có chênh lệch chiều dài các chi:					
- Từ 1-2 cm			x		
- Từ 3-4 cm				x	
- Từ trên 4 cm					x
Hai chân vòng kiềng hình chữ O hoặc chữ X:					
69.1- Bình thường	x				
69.2- Hai chân vòng kiềng:					
- Không ảnh hưởng tới đi lại, chạy nhảy		x			
- Có ảnh hưởng tới đi lại chạy nhảy			x		
Bàn chân bẹt:					
70.1- Không có bàn chân bẹt	x				
70.1- Bàn chân bẹt					
- Độ I	x				
- Độ II		x			
- Độ III			x		
Chai chân, mắt cá lòng bàn chân, rỗ chân					
71.1- Không có	x				
71.2- Chai chân (durillon):					
- Dày sừng không nắn còn mềm, không ảnh hưởng tới đi lại		x			

- Dày sừng gây cộm cứng ảnh hưởng tới đi lại			x		
71.3- Mất cá lông bàn chân (corp-plantaire)					
- Đường kính dưới 1cm nhưng dưới 2 cái, không ảnh hưởng tới đi lại		x			
- Đường kính dưới 1cm nhưng dưới 3 cái, không ảnh hưởng tới đi lại			x		
- Đường kính trên 1cm, trên 3 cái, ảnh hưởng tới đi lại				x	
71.4- Rỗ chân: (porokeratose)					
- Đường kính điểm lõm dưới 2cm, trong 1cm ² chỉ có 1-2 điểm, không ảnh hưởng tới đi lại		x			
- Đường kính điểm lõm dưới 2cm, trong 1cm ² chỉ có trên 2 điểm, không ảnh hưởng tới đi lại			x		
- Đường kính điểm lõm trên 2cm, trong 1cm ² có 2 điểm, có ảnh hưởng tới đi lại				x	
- Gãy trên 3 xương sườn can tốt				x	
67.4- Gù vẹo, quá ưỡn:					
- Do bẩm sinh			x		
- Do mắc phải				x	
67.5- Cứng dính cột sống do các nguyên nhân có ảnh hưởng tới lao động, vận động:					
- Nhẹ			x		
- Vừa				x	
- Nặng					x
Chiều dài các chi:					
68.1- Không có chênh lệch chiều dài các chi	x				
68.2- Có chênh lệch chiều dài các chi:					
- Từ 1-2 cm			x		
- Từ 3-4 cm				x	
- Từ trên 4 cm					x
Hai chân vòng kiềng hình chữ 0 hoặc chữ X:					
69.1- Bình thường	x				
69.2- Hai chân vòng kiềng:					
- Không ảnh hưởng tới đi lại, chạy nhảy		x			
- Có ảnh hưởng tới đi lại chạy nhảy			x		
Bàn chân bẹt:					
70.1- Không có bàn chân bẹt	x				
70.1- Bàn chân bẹt					
- Độ I	x				
- Độ II		x			
- Độ III			x		
Chai chân, mất cá lông bàn chân, rỗ chân					
71.1- Không có	x				

71.2- Chai chân (durillon):					
- Dày sừng không nắn còn mềm, không ảnh hưởng tới đi lại		x			
- Dày sừng gây cộm cứng ảnh hưởng tới đi lại			x		
71.3- Mất cá lòng bàn chân (corp-plantaire)					
- Đường kính dưới 1cm nhưng dưới 2 cái, không ảnh hưởng tới đi lại		x			
- Đường kính dưới 1cm nhưng dưới 3 cái, không ảnh hưởng tới đi lại			x		
- Đường kính trên 1cm, trên 3 cái, ảnh hưởng tới đi lại				x	
71.4- Rỗ chân: (porokeratose)					
- Đường kính điểm lõm dưới 2cm, trong 1cm ² chỉ có 1-2 điểm, không ảnh hưởng tới đi lại		x			
- Đường kính điểm lõm dưới 2cm, trong 1cm ² chỉ có trên 2 điểm, không ảnh hưởng tới đi lại			x		
- Đường kính điểm lõm trên 2cm, trong 1cm ² có 2 điểm, có ảnh hưởng tới đi lại				x	
Mất ngón tay, ngón chân:					
72.1- Không ngón tay, ngón chân	x				
72.2- Mất 1-2 đốt:					
- Ngón tay cái, ngón chân cái, ngón tay trở bàn tay thuận, từ 2 ngón khác của bàn tay, bàn chân			x		
- Ngón khác của bàn tay bàn chân		x			
72.3- Mất 1 ngón:					
- Ngón cái của bàn tay hoặc bàn chân				x	
- Ngón trở bàn tay thuận			x		
- Ngón khác của bàn tay hoặc bàn chân		x			
72.4- Mất 2 ngón trong đó không mất ngón tay cái, không mất ngón trở bàn tay thuận, không mất ngón chân cái				x	
72.5- Mất 3 ngón tay trở lên trong đó không mất ngón cái và ngón trở				x	
Dính kẽ ngón tay, ngón chân:					
73.1- Không dính kẽ ngón tay, ngón chân	x				
73.2- Có dính kẽ ngón tay, ngón chân:				x	
- Chưa xử trí phẫu thuật:					
- Đã xử trí phẫu thuật:					
+ Ảnh hưởng ít đến hoạt động bàn tay, bàn chân		x			
+ Ảnh hưởng nhiều đến hoạt động bàn tay, bàn chân			x		
Thừa ngón tay, ngón chân:					
74.1- Không thừa ngón tay, ngón chân	x				
74.2- Thừa ngón tay, ngón chân chưa cắt bỏ, không ảnh hưởng tới bàn tay, bàn chân hoặc đã cắt bỏ mà có ảnh hưởng tới bàn tay, bàn chân			x		
Co rút ngón tay, ngón chân:					
75.1- Không co rút ngón tay, ngón chân	x				

75.2- Có co rút:					
- Từ 1-2 ngón tay hoặc ngón chân, ảnh hưởng tới lao động, sinh hoạt			x		
- Từ 3-4 ngón tay hoặc ngón chân, ảnh hưởng tới lao động, sinh hoạt				x	
- Từ 5 ngón tay hoặc ngón chân, ảnh hưởng tới lao động, sinh hoạt					x
Lệch vẹo ngón chân cái:					
76.1- Không lệch	x				
76.2- Lệch vẹo:					
- Không ảnh hưởng tới dày dép, mang vác, chạy nhảy		x			
- Có ảnh hưởng tới dày dép, mang vác, chạy nhảy			x		
Lao xương:					
77.1- Không có	x				
77.2- Có lao xương đã điều trị khỏi, ổn định				x	
Ung thư xương khớp					x

Phụ lục 5. BẢNG ĐÁNH GIÁ CHỨC NĂNG VẬN ĐỘNG.

Tên khớp	Chức năng	Bình thường	Tên khớp	Chức năng	Bình thường
Vai	- Đưa ra trước tiên	185°	Háng	- Gấp	125°
		185°		- Duỗi	40°
	- Đưa ngang	40°		- Xoay ngoài	40°
	- Duỗi ra sau	360°		- Xoay trong	35°
	- Quay			- Khép	90°
			- Dạng		
Khủyu		135°	Gối	Gấp	125°
Cổ tay	- Gấp	62°	Cổ chân	- Gấp	45°
	- Ngửa	50°		- Duỗi	35°
	- Khép	40°		- Xoay ngoài	45°
	- Dạng	30°		- Xoay trong	30°